

Số: 676 /QĐ-UBND

Huế, ngày 13 tháng 02 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế phối hợp liên ngành về giải quyết việc nuôi con nuôi
có yếu tố nước ngoài trên địa bàn thành phố Huế**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Nuôi con nuôi ngày 17 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Hộ tịch ngày 20 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định cho tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;

Căn cứ Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Nuôi con nuôi; Nghị định số 24/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Nuôi con nuôi; Nghị định số 06/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về nuôi con nuôi;

Căn cứ Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ Quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư 08/2025/TT-BTP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp Quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp và phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 31/TTr-STP ngày 09 tháng 02 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp liên ngành về giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài trên địa bàn thành phố Huế.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 2674/QĐ-UBND ngày 22/10/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc các Sở: Tư pháp, Y tế, Tài chính; Khoa học và Công nghệ; Giám đốc Công an thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và Thủ trưởng các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tư pháp;
- UBND thành phố: CT, các PCT;
- VPUBND thành phố: CVP, các PCVP, các CV;
- Công TTĐT thành phố.
- Lưu VT, CCHC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Hữu Thuỳ Giang

QUY CHẾ PHỐI HỢP LIÊN NGÀNH
Về giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài
trên địa bàn thành phố Huế
(Kèm theo Quyết định số 676/QĐ-UBND
ngày 13 tháng 02 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Huế)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định nguyên tắc, hình thức, nội dung phối hợp liên ngành giữa Sở Tư pháp, Sở Tài chính, Sở Y tế, Sở Khoa học và Công nghệ, Công an thành phố, Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, các cơ sở trợ giúp xã hội và Ủy ban nhân dân cấp xã trong giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài tại địa phương.

Điều 2. Nguyên tắc phối hợp

1. Tuân thủ quy định của pháp luật về nuôi con nuôi và các điều ước quốc tế về nuôi con nuôi mà Việt Nam là thành viên.
2. Thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mỗi cơ quan đơn vị phối hợp. Không làm ảnh hưởng đến chức năng, nhiệm vụ và hoạt động của các cơ quan có liên quan.
3. Bảo đảm tính chủ động, thường xuyên, chặt chẽ, kịp thời trong quá trình phối hợp.

Điều 3. Hình thức phối hợp

1. Trao đổi ý kiến bằng văn bản hoặc cung cấp thông tin bằng văn bản theo yêu cầu của cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp.
2. Tổ chức họp liên ngành.
3. Tổ chức hội nghị sơ kết, tổng kết.
4. Thành lập các đoàn kiểm tra liên ngành.
5. Các hình thức khác theo quy định của pháp luật.

Chương II

**NỘI DUNG PHỐI HỢP TRONG GIẢI QUYẾT VIỆC NUÔI CON NUÔI
CÓ YẾU TỐ NƯỚC NGOÀI**

Điều 4. Phối hợp trong việc lập Biên bản trẻ em bị bỏ rơi và tiếp nhận trẻ em bị bỏ rơi vào cơ sở trợ giúp xã hội

1. Người phát hiện trẻ bị bỏ rơi có trách nhiệm bảo vệ trẻ và thông báo ngay cho Ủy ban nhân dân hoặc công an cấp xã nơi trẻ bị bỏ rơi. Trường hợp trẻ bị bỏ rơi tại cơ sở y tế thì Thủ trưởng cơ sở y tế có trách nhiệm thông báo.

Ngay sau khi nhận được thông báo, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Trưởng công an cấp xã có trách nhiệm tổ chức lập biên bản về việc trẻ bị bỏ rơi. Biên bản phải ghi rõ thời gian, địa điểm phát hiện trẻ bị bỏ rơi; đặc điểm nhận dạng như giới tính, thể trạng, tình trạng sức khỏe; tài sản hoặc đồ vật khác của trẻ (nếu có); họ, tên, giấy tờ chứng minh nhân thân, nơi cư trú của người phát hiện trẻ bị bỏ rơi. Biên bản phải được người lập, người phát hiện trẻ bị bỏ rơi, người làm chứng (nếu có) ký tên và đóng dấu xác nhận của cơ quan lập. Biên bản được lập thành hai bản, một bản lưu tại cơ quan lập, một bản giao cá nhân hoặc tổ chức tạm thời nuôi dưỡng trẻ.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã nơi phát hiện trẻ em bị bỏ rơi có trách nhiệm tìm người hoặc tổ chức tạm thời nuôi dưỡng trẻ em. Nếu có cá nhân, gia đình cư trú tại địa bàn của xã/phường/đặc khu đăng ký nhận chăm sóc thay thế trẻ em thì lựa chọn gia đình, cá nhân nhận chăm sóc thay thế, quyết định giao, nhận trẻ em cho cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế theo quy định của Nghị định số 56/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Trẻ em. Trường hợp trên địa bàn xã/phường/đặc khu không có cá nhân, gia đình nào đăng ký nhận chăm sóc thay thế hoặc tạm thời nuôi dưỡng trẻ em thì Ủy ban nhân dân cấp xã tiến hành lập hồ sơ chuyển trẻ em vào cơ sở trợ giúp xã hội theo quy định tại khoản 2 Điều 27 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.

Đồng thời, Ủy ban nhân dân cấp xã tiến hành niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân trong 07 ngày liên tục về việc trẻ bị bỏ rơi kể từ ngày lập biên bản.

3. Hết thời hạn niêm yết, nếu không có thông tin về cha, mẹ đẻ của trẻ, Ủy ban nhân dân cấp xã thông báo cho cá nhân hoặc tổ chức đang tạm thời nuôi dưỡng trẻ để tiến hành đăng ký khai sinh cho trẻ. Cá nhân hoặc tổ chức đang tạm thời nuôi dưỡng trẻ có trách nhiệm khai sinh cho trẻ em theo quy định của Luật Hộ tịch và các văn bản quy định chi tiết thi hành.

4. Sau khi đăng ký khai sinh cho trẻ, nếu có công dân Việt Nam thường trú ở trong nước nhận trẻ em làm con nuôi thì Ủy ban nhân dân cấp xã nơi phát hiện trẻ em bị bỏ rơi xem xét, giải quyết theo quy định của Luật Nuôi con nuôi và các văn bản quy định chi tiết thi hành; nếu không có người nhận trẻ em làm con nuôi thì lập hồ sơ đưa trẻ em vào cơ sở trợ giúp xã hội theo quy định của pháp luật về việc tiếp nhận trẻ em vào cơ sở trợ giúp xã hội.

Điều 5. Phối hợp trong việc rà soát, tìm người nhận trẻ em làm con nuôi

1. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Định kỳ 06 tháng rà soát, đánh giá việc trẻ em cần được nhận làm con nuôi đối với trường hợp trẻ em bị bỏ rơi, trẻ em mồ côi cả cha và mẹ, trẻ em không nơi nương tựa đang được cá nhân, gia đình, tổ chức tạm thời nuôi dưỡng hoặc chăm sóc thay thế theo quy định của pháp luật.

b) Nếu có công dân Việt Nam thường trú ở trong nước nhận trẻ em làm con nuôi, Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, giải quyết hoặc hướng dẫn giải quyết việc nuôi con nuôi theo quy định của pháp luật.

c) Nếu không có công dân Việt Nam thường trú ở trong nước nhận trẻ em làm con nuôi, Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản kèm theo hồ sơ trẻ em gửi Sở Tư pháp để tìm người nhận trẻ em làm con nuôi theo quy định pháp luật.

d) Trường hợp trẻ em bị bỏ rơi không có người trong nước nhận trẻ em làm con nuôi thì Ủy ban nhân dân cấp xã lập hồ sơ đưa trẻ em vào cơ sở trợ giúp xã hội theo quy định pháp luật, kèm theo xác nhận không có người trong nước nhận trẻ em làm con nuôi.

2. Trách nhiệm của cơ sở trợ giúp xã hội

a) Đánh giá việc trẻ em đang nuôi dưỡng thường xuyên ở cơ sở nuôi dưỡng cần được chuyển hình thức chăm sóc thay thế ở cơ sở trợ giúp xã hội đến gia đình nhận trẻ em làm con nuôi theo quy định tại Điều 45 Nghị định số 56/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ

b) Lập hồ sơ trẻ em bao gồm các giấy tờ, tài liệu theo quy định tại khoản 1 Điều 32 của Luật Nuôi con nuôi và Điều 14 Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21/3/2011 của Chính phủ, xin ý kiến của cơ quan chủ quản.

3. Trách nhiệm của Cơ quan chủ quản của cơ sở trợ giúp xã hội

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ, Sở Y tế có ý kiến gửi Sở Tư pháp kèm theo hồ sơ trẻ em để thông báo tìm người nhận con nuôi.

4. Trách nhiệm của Sở Tư pháp

a) Khi tiếp nhận hồ sơ trẻ em, nếu có công dân Việt Nam thường trú ở trong nước đăng ký nhu cầu nhận con nuôi theo quy định tại Điều 16 của Luật Nuôi con nuôi thì Sở Tư pháp kiểm tra điều kiện của người nhận con nuôi trước khi giao 01 bộ hồ sơ trẻ em cho người nhận con nuôi và giới thiệu người nhận con nuôi đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có thẩm quyền giải quyết việc nuôi con nuôi để xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

b) Trường hợp không có công dân Việt Nam thường trú ở trong nước đăng ký nhu cầu nhận con nuôi, Sở Tư pháp thông báo tìm người nhận trẻ em làm con nuôi theo phương thức và thời hạn quy định tại điểm c khoản 2 Điều 15 của Luật Nuôi con nuôi.

c) Trong thời hạn thông báo trên phạm vi thành phố, nếu có công dân Việt Nam thường trú ở trong nước đăng ký nhu cầu nhận con nuôi theo quy định tại Điều 16 của Luật Nuôi con nuôi, Sở Tư pháp thực hiện theo quy định tại điểm a khoản này. Sau khi hết thời hạn thông báo, nếu không có công dân Việt Nam thường trú ở trong nước nhận trẻ em làm con nuôi, Sở Tư pháp gửi danh sách trẻ em cho Bộ Tư pháp để thông báo tìm người nhận con nuôi theo phương thức và thời hạn quy định tại điểm d khoản 2 Điều 15 của Luật Nuôi con nuôi.

d) Trong thời hạn thông báo trên phạm vi toàn quốc, nếu có công dân Việt Nam thường trú ở trong nước có nguyện vọng và đủ điều kiện nhận trẻ em làm con nuôi thì liên hệ với Sở Tư pháp để thực hiện theo quy định tại điểm a khoản này.

đ) Hết thời hạn thông báo trên phạm vi toàn quốc mà không có công dân Việt Nam thường trú trong nước nhận trẻ em làm con nuôi, Bộ Tư pháp thông báo cho Sở Tư pháp để thực hiện xác nhận trẻ em đủ điều kiện làm con nuôi nước ngoài. Đối với trẻ em thuộc diện quy định tại khoản 1 Điều này, trường hợp không có công dân Việt Nam thường trú trong nước nhận trẻ em làm con nuôi, Bộ Tư pháp thông báo cho Sở Tư pháp đề nghị Ủy ban nhân dân cấp xã lập hồ sơ đưa trẻ em vào cơ sở trợ giúp xã hội nếu trẻ em không được chăm sóc thay thế bằng hình thức phù hợp khác theo quy định pháp luật. Trường hợp cơ sở trợ giúp xã hội đánh giá việc trẻ em cần được nhận làm con nuôi, lập hồ sơ trẻ em theo quy định tại khoản 2 Điều này thì không phải thực hiện lại việc thông báo tìm người trong nước nhận trẻ em làm con nuôi:

5. Trách nhiệm của Sở Khoa học và Công nghệ, Công thông tin điện tử thành phố Huế

Phối hợp với Sở Tư pháp trong việc đảm bảo đăng tải miễn phí thông tin về việc tìm gia đình thay thế cho trẻ em trên Cổng thông tin điện tử thành phố Huế.

Điều 6. Phối hợp trong việc xác minh hồ sơ của trẻ em bị bỏ rơi được cho làm con nuôi nước ngoài

1. Trách nhiệm của Sở Tư pháp

Đề nghị Công an thành phố xác minh nguồn gốc trẻ em đối với các trường hợp trẻ em bị bỏ rơi được cho làm con nuôi nước ngoài. Công văn đề nghị cần nêu rõ nội dung cần xác minh.

2. Trách nhiệm của Công an thành phố

a) Xác minh và trả lời bằng văn bản trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Tư pháp. Nội dung trả lời xác minh của Công an thành phố cần kết luận rõ ràng về nguồn gốc trẻ em bị bỏ rơi, chưa xác định được cha, mẹ đẻ và chưa phát hiện vấn đề gì liên quan đến mua bán người.

Trường hợp hồ sơ trẻ em thể hiện thông tin cha, mẹ đẻ của trẻ em cư trú ở địa phương khác, Công an cấp tỉnh nơi giải quyết việc nuôi con nuôi trực tiếp xác minh hoặc gửi văn bản đề nghị Công an cấp tỉnh nơi có thông tin cư trú của cha, mẹ đẻ của trẻ em xác minh.

Trường hợp xác định được cha, mẹ đẻ của trẻ em thì nêu rõ họ, tên, nơi cư trú, thông tin liên lạc của cha, mẹ đẻ Sở Tư pháp tiến hành thủ tục lấy ý kiến của những người liên quan theo quy định của pháp luật.

b) Rút ngắn tối đa thời hạn xác minh nguồn gốc của trẻ em khuyết tật, mắc bệnh hiểm nghèo theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 19/2011/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 24/2019/NĐ-CP để tạo điều kiện cho trẻ em sớm tìm được gia đình thay thế ở nước ngoài và được chữa trị, chăm sóc sức khỏe trong điều kiện y tế hiện đại.

c) Phối hợp với Sở Tư pháp trong trường hợp cần tiếp tục xác minh bổ sung về nguồn gốc của trẻ em.

Điều 7. Phối hợp trong việc lấy ý kiến cho trẻ em làm con nuôi nước ngoài đối với trẻ em bị bỏ rơi

1. Trách nhiệm của Sở Tư pháp

a) Trường hợp trẻ em bị bỏ rơi mà Công an thành phố xác minh được thông tin về cha, mẹ đẻ và Sở Tư pháp liên hệ được với cha, mẹ đẻ thì Sở Tư pháp tiến hành lấy ý kiến của cha, mẹ đẻ trước khi xác nhận trẻ em đủ điều kiện làm con nuôi.

b) Trường hợp không thể liên hệ được với cha, mẹ đẻ, Sở Tư pháp niêm yết tại trụ sở Sở Tư pháp trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày nhận được kết quả xác minh, đồng thời có văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có thông tin cư trú của cha, mẹ đẻ niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã về việc cho trẻ em làm con nuôi, thời hạn niêm yết là 60 ngày.

2. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

Theo đề nghị của Sở Tư pháp, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có thông tin cư trú của cha, mẹ có trách nhiệm niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã về việc cho trẻ em làm con nuôi. Thời hạn niêm yết là 60 ngày, kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp xã nhận được văn bản đề nghị của Sở Tư pháp.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hết thời hạn niêm yết, Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản gửi Sở Tư pháp thông báo về kết quả niêm yết tại địa phương.

Điều 8. Phối hợp trong việc xác nhận trẻ em đủ điều kiện cho làm con nuôi nước ngoài

1. Trách nhiệm của Sở Tư pháp

a) Trường hợp trẻ em có đủ điều kiện làm con nuôi nước ngoài, Sở Tư pháp phải có văn bản xác nhận đối với từng trường hợp cụ thể. Việc xác nhận trẻ em có đủ điều kiện làm con nuôi nước ngoài phải bảo đảm trẻ em đáp ứng đủ các yêu cầu về đối tượng, độ tuổi của trẻ em được nhận làm con nuôi, trường hợp phải thông qua thủ tục giới thiệu, trường hợp được giải quyết theo quy định tại khoản 2 Điều 28 của Luật Nuôi con nuôi.

b) Trong trường hợp cần thiết, Sở Tư pháp có văn bản lấy ý kiến các cơ

quan, tổ chức có liên quan trước khi xác nhận trẻ em đủ điều kiện làm con nuôi nước ngoài theo diện đích danh theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 19/2011/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 24/2019/NĐ-CP hay phải thông qua thủ tục giới thiệu.

c) Sau khi xác nhận trẻ em đủ điều kiện được cho làm con nuôi ở nước ngoài, Sở Tư pháp gửi Bộ Tư pháp hồ sơ gồm các giấy tờ theo quy định tại khoản 1 Điều 32 của Luật Nuôi con nuôi kèm theo văn bản xác nhận trẻ em đủ điều kiện được cho làm con nuôi nước ngoài, văn bản xác minh của Công an thành phố đối với trường hợp trẻ em bị bỏ rơi, văn bản lấy ý kiến của cha, mẹ đẻ hoặc người giám hộ và ý kiến của trẻ em từ đủ 09 tuổi trở lên về việc đồng ý cho trẻ em làm con nuôi; văn bản thể hiện ý kiến của Giám đốc cơ sở nuôi dưỡng về việc cho trẻ em làm con nuôi đối với trường hợp trẻ em sống tại cơ sở nuôi dưỡng.

2. Trách nhiệm của các cơ quan liên quan khác

Phối hợp cho ý kiến theo đề nghị của Sở Tư pháp kịp thời, đúng thời hạn để đảm bảo trẻ em đủ điều kiện cho làm con nuôi nước ngoài.

Điều 9. Phối hợp trong việc giới thiệu trẻ em ở cơ sở trợ giúp xã hội làm con nuôi người nước ngoài

1. Việc giới thiệu trẻ em không thuộc diện quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 19/2011/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 24/2019/NĐ-CP làm con nuôi người nước ngoài phải chặt chẽ, khách quan, phù hợp với nhu cầu và lợi ích tốt nhất của trẻ em theo quy định tại Điều 35 Luật Nuôi con nuôi. Tùy từng trường hợp cụ thể, Sở Tư pháp phối hợp với các cơ quan liên quan thông qua hình thức họp liên ngành hoặc lấy ý kiến bằng văn bản về việc giới thiệu trẻ em làm con nuôi nước ngoài và thực hiện như sau:

a) Trường hợp họp liên ngành, thành phần gồm Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Sở Tư pháp (chủ trì cuộc họp); đại diện lãnh đạo Sở Y tế, đại diện lãnh đạo Công an thành phố; đại diện lãnh đạo Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; đại diện cơ quan chủ quản của cơ sở trợ giúp xã hội; đại diện Ban Giám đốc Cơ sở trợ giúp xã hội có trẻ em được giới thiệu làm con nuôi nước ngoài. Trong trường hợp cần thiết, Sở Tư pháp có thể mời chuyên gia y tế, tâm lý, gia đình, xã hội tham gia ý kiến để liên ngành xem xét tư vấn việc giới thiệu trẻ em không thuộc diện khuyết tật, trẻ em mắc bệnh hiểm nghèo làm con nuôi người nước ngoài.

Sở Tư pháp có trách nhiệm gửi cho các đại biểu tham gia họp liên ngành ít nhất 03 ngày trước ngày họp phương án giới thiệu trẻ em kèm theo phụ lục tóm tắt hồ sơ của trẻ em và hồ sơ của người nhận con nuôi.

Trong cuộc họp, các đại biểu tham gia họp liên ngành cho ý kiến, thảo luận về các phương án giới thiệu trẻ em cho người nhận con nuôi. Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Sở Tư pháp chủ trì họp liên ngành tổng hợp ý kiến và kết luận về phương án giới thiệu trẻ em. Căn cứ vào kết luận của cuộc họp liên ngành, Sở Tư

pháp có trách nhiệm báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố về kết quả giới thiệu trẻ em làm con nuôi người nước ngoài.

b) Trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản, Sở Tư pháp gửi công văn kèm theo Bản tóm tắt thông tin của trẻ em và của người xin nhận con nuôi cho các cơ quan liên quan đề nghị cho ý kiến đối với phương án giới thiệu trẻ em làm con nuôi nước ngoài.

Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Tư pháp, các cơ quan liên quan có trách nhiệm trả lời Sở Tư pháp bằng văn bản.

Sở Tư pháp có trách nhiệm tổng hợp, tiếp thu hoặc giải trình ý kiến của các cơ quan liên quan và báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố kết quả giới thiệu trẻ em làm con nuôi.

2. Sau khi giới thiệu trẻ em làm con nuôi nước ngoài, Sở Tư pháp báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố cho ý kiến. Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ do Sở Tư pháp trình, Ủy ban nhân dân thành phố có ý kiến về việc đồng ý hoặc không đồng ý với việc giới thiệu trẻ em làm con nuôi nước ngoài của Sở Tư pháp.

Trường hợp Ủy ban nhân dân thành phố đồng ý việc giới thiệu trẻ em làm con nuôi nước ngoài, thì trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến của Ủy ban nhân dân thành phố, Sở Tư pháp báo cáo kết quả giới thiệu trẻ em làm con nuôi nước ngoài cho Bộ Tư pháp.

Trường hợp không đồng ý với việc giới thiệu của Sở Tư pháp, thì Ủy ban nhân dân thành phố thông báo rõ lý do bằng văn bản để Sở Tư pháp tiến hành giới thiệu lại. Sau 03 tháng kể từ ngày Ủy ban nhân dân thành phố không đồng ý mà Sở Tư pháp không giới thiệu được thì Sở Tư pháp phải gửi trả lại hồ sơ của người nhận con nuôi cho Bộ Tư pháp kèm theo văn bản nêu rõ lý do.

Điều 10. Phôi hợp trong việc lập dự toán, quản lý, sử dụng, quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác nuôi con nuôi

1. Trách nhiệm của Sở Tài chính

Căn cứ vào thông báo của Bộ Tư pháp về số chi phí giải quyết việc nuôi con nuôi nước ngoài chuyển về địa phương, Sở Tài chính có trách nhiệm thông báo cho Sở Tư pháp, cơ sở trợ giúp xã hội trên địa bàn để thực hiện việc rút dự toán chi tiêu trong phạm vi số kinh phí được điều chuyển và có trách nhiệm hướng dẫn các đơn vị này sử dụng, chấp hành và quyết toán kinh phí theo quy định tại Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Nuôi con nuôi, Thông tư liên tịch số 146/2012/TTLT-BTC-BTP ngày 07/9/2012 quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ trong lĩnh vực nuôi con nuôi từ nguồn thu lệ phí đăng ký nuôi con nuôi, lệ phí cấp, gia hạn, sửa đổi giấy phép của tổ chức con nuôi nước ngoài, chi phí giải quyết nuôi con nuôi nước ngoài.

2. Trách nhiệm của các đơn vị tham gia công tác giải quyết việc nuôi con nuôi nước ngoài

a) Lập dự toán ngân sách nhà nước hàng năm bảo đảm cho công tác giải quyết việc nuôi con nuôi nước ngoài, trình cơ quan có thẩm quyền theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Các nội dung chi được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Nghị định số 114/2016/NĐ-CP ngày 8/7/2016 của Chính phủ quy định lệ phí đăng ký nuôi con nuôi, lệ phí cấp giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài.

Một số mức chi chưa có quy định nhưng cần thiết để phục vụ công việc thì Thủ trưởng cơ quan, đơn vị được vận dụng các mức chi tương ứng với các công việc tương tự đã được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành và quy định trong Quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.

b) Sử dụng, chấp hành, quyết toán kinh phí và báo cáo việc sử dụng kinh phí theo quy định.

Chương III **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 11. Trách nhiệm của Sở Y tế

1. Tham gia, thực hiện theo tiến độ, bảo đảm chất lượng các nội dung phối hợp. Hướng dẫn, kiểm tra chặt chẽ các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố thực hiện nghiêm túc việc cấp các giấy tờ về sự kiện sinh, tử, phối hợp với các cơ quan liên quan lập hồ sơ trẻ em bị bỏ rơi đúng theo quy định của pháp luật để tránh tình trạng làm hồ sơ giả cho trẻ em làm con nuôi, mua bán trẻ em.

2. Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ sở y tế tạo điều kiện thuận lợi trong trường hợp có xác minh lai lịch trẻ em bị bỏ rơi tại các cơ sở y tế hoặc các sự kiện sinh khác theo yêu cầu bằng văn bản của Công an thành phố hoặc Sở Tư pháp.

3. Đôn đốc các cơ sở trợ giúp xã hội trên địa bàn thành phố thường xuyên rà soát, đánh giá nhu cầu và lập hồ sơ trẻ em cần được nhận làm con nuôi theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 19/2011/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung.

4. Phối hợp với các cơ quan liên quan trong việc kiểm tra, theo dõi việc tiếp nhận, quản lý và sử dụng các khoản hỗ trợ nhân đạo từ các tổ chức, cá nhân vì mục đích bảo vệ, chăm sóc trẻ em.

5. Phối hợp với Sở Tư pháp cung cấp tình hình lập Danh sách trẻ em có nhu cầu được nhận làm con nuôi theo quy định.

6. Hướng dẫn, kiểm tra các cơ sở trợ giúp xã hội trong việc tiếp nhận trẻ em vào nuôi dưỡng, đảm bảo đúng đối tượng theo quy định của pháp luật.

7. Tham gia họp liên ngành và tham gia Đoàn công tác liên ngành (nếu có).

Điều 12. Trách nhiệm của cơ sở trợ giúp xã hội

1. Thực hiện đúng các nội dung phối hợp quy định tại Quy chế này.
2. Tạo điều kiện hoặc báo cáo cơ quan có thẩm quyền tạo điều kiện để người nhận con nuôi được tiếp xúc, làm quen với trẻ em khi đến Việt Nam nhận con nuôi theo quy định tại khoản 2 Điều 37 Luật Nuôi con nuôi.
3. Báo cáo việc tiếp nhận, sử dụng và quản lý các khoản hỗ trợ nhân đạo theo quy định pháp luật và báo cáo Bộ Tư pháp về việc tiếp nhận, quản lý và sử dụng các khoản hỗ trợ nhân đạo của cha mẹ nuôi và tổ chức con nuôi nước ngoài được cấp phép hoạt động tại Việt Nam theo định kỳ 06 tháng và hàng năm hoặc theo yêu cầu theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 4 Nghị định số 24/2019/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ.

Điều 13. Trách nhiệm của Sở Tài chính

1. Thông báo cho Sở Tư pháp, cơ sở nuôi dưỡng trên địa bàn thành phố số chi phí giải quyết việc nuôi con nuôi nước ngoài do Bộ Tư pháp chuyển về địa phương.
2. Theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn các đơn vị tại địa phương thực hiện việc lập dự toán ngân sách bảo đảm cho công tác giải quyết nuôi con nuôi nước ngoài và việc thực hiện Quy chế.
3. Bảo đảm, bố trí kinh phí giải quyết việc nuôi con nuôi nước ngoài tại địa phương và đảm bảo cho việc thực hiện các nhiệm vụ theo Quy chế này.

Điều 14. Trách nhiệm của Công an thành phố

1. Thực hiện thẩm tra, xác minh nguồn gốc trẻ em bị bỏ rơi được cho làm con nuôi và trả lời kết quả cho cơ quan gửi xác minh đúng thời hạn quy định.
2. Chỉ đạo Công an cấp xã thực hiện lập biên bản trẻ bị bỏ rơi theo quy định khi tiếp nhận được thông tin về trường hợp có trẻ bị bỏ rơi; thực hiện công tác đăng ký, quản lý cư trú tại các cơ sở bảo trợ xã hội công lập và ngoài công lập nơi nuôi dưỡng trẻ em trên địa bàn thành phố.
3. Thực hiện các biện pháp phòng ngừa, phát hiện, điều tra, xử lý hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực nuôi con nuôi. Đôn đốc, kiểm tra, ngăn chặn, phòng chống việc làm giả giấy tờ, hồ sơ của trẻ em được cho làm con nuôi nước ngoài.
4. Tham gia họp liên ngành và tham gia Đoàn công tác liên ngành (nếu có).

Điều 15. Trách nhiệm của Sở Khoa học và Công nghệ; Cổng thông tin điện tử thành phố

1. Đảm bảo việc đăng tải miễn phí, kịp thời, đầy đủ và chính xác thông báo tìm gia đình thay thế trong nước cho trẻ em khi có đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Sở Tư pháp theo quy định pháp luật.

2. Phối hợp với Sở Tư pháp và các cơ quan liên quan trong công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về trẻ em và về nuôi con nuôi trên địa bàn thành phố thông qua các nền tảng số, hệ thống thông tin, truyền thông do thành phố quản lý.

Điều 16. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Thực hiện đúng các nội dung phối hợp quy định tại Quy chế này.
2. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến pháp luật về nuôi con nuôi trên địa bàn.

Điều 17. Trách nhiệm của Sở Tư pháp

1. Chủ trì tổ chức thực hiện Quy chế này; đôn đốc, theo dõi, đánh giá về công tác phối hợp; chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức họp liên ngành để tổng kết, đánh giá kết quả việc thực hiện Quy chế, kinh nghiệm, những vướng mắc, giải pháp nâng cao hiệu quả công tác giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài trên địa bàn thành phố.

2. Chỉ đạo, hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện rà soát, đánh giá việc trẻ em cần được nhận làm con theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định số 19/2011/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung, nhằm tăng cường công tác nuôi con nuôi trong nước.

3. Tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của các cơ sở trợ giúp xã hội trong việc ưu tiên giải quyết cho trẻ em làm con nuôi trong nước, trước khi cho trẻ em làm con nuôi nước ngoài.

4. Tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Chỉ thị 03/CT-TTg ngày 19/01/2018 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác giải quyết việc nuôi con nuôi trong tình hình mới.

5. Chủ động chuẩn bị nội dung, tổ chức các cuộc họp liên ngành thường kỳ hoặc đột xuất hoặc trao đổi ý kiến liên ngành bằng văn bản để đảm bảo hiệu quả của công tác giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài trên địa bàn thành phố.

Điều 18. Kinh phí thực hiện

1. Kinh phí thực hiện công tác giải quyết việc nuôi con nuôi của cơ quan, đơn vị do ngân sách đảm bảo theo quy định hiện hành về phân cấp ngân sách nhà nước.

2. Hàng năm, căn cứ vào kế hoạch công tác và nhiệm vụ được giao, các đơn vị thực hiện việc lập dự toán ngân sách đảm bảo cho việc thực hiện Quy chế.

Điều 19. Điều khoản thi hành

1. Các cơ quan, tổ chức theo trách nhiệm được phân công, tổ chức triển khai thực hiện Quy chế này và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề chưa phù hợp hoặc mới phát sinh, thì các cơ quan, tổ chức được phân công trách nhiệm phối hợp kịp thời thông báo cho Sở Tư pháp để tổng hợp, báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với thực tế và quy định của pháp luật hiện hành./.